

**QUẢN TÍNH GIẢM ĐIỂM SẼ CÒN
TIẾP DIỄN**

Quốc tế

- Phố Wall tiếp tục có phiên giao dịch tiêu cực trong ngày hôm qua. Chỉ số Dow Jones giảm 249,13 điểm (-0,73%), chỉ số NASDAQ giảm 120,94 điểm (-1,02%) và chỉ số S&P 500 giảm 36,36 điểm (-0,88%). Cổ phiếu của hầu hết các nhóm ngành đều có xu hướng giảm cùng với xu hướng chung của thị trường, một trong những nguyên nhân đó là do lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 2 năm tăng mạnh kể từ tháng 11 năm trước.
- Chứng khoán châu Âu có diễn biến tăng điểm trong ngày giao dịch hôm qua. Chỉ số FTSE 100 (Anh) tăng 25,98 điểm (+0,33%), CAC 40 (Pháp) tăng 68,53 điểm (+0,96%). Trong khi đó, thị trường chứng khoán tại các nước Đông Nam Á hầu hết giảm điểm trong phiên giao dịch.
- Giá dầu WTI và Brent giảm lần lượt là 0,52% và 0,69% trong phiên giao dịch hôm qua. Bên cạnh đó giá một số vật liệu cơ bản như bạc, lúa mì, vàng giảm điểm.
- Giá nhà tại Australia sẽ giảm tới 10% vào cuối năm 2023 trong bối cảnh lãi suất tiếp tục tăng và nền kinh tế có thể rơi vào suy thoái.
- Người tiêu dùng Trung Quốc gửi tiết kiệm kỷ lục với 2.600 tỷ USD trong năm 2022.

Trong nước

- Vnindex có phiên giao dịch điều chỉnh giảm điểm trong phiên giao dịch hôm qua với việc hàng loạt cổ phiếu bluechip chìm trong sắc đỏ, hiện tại chỉ số đã đóng cửa dưới đường SMA 20 và đang tịnh tiến về đường SMA 50 với mức hỗ trợ kỳ vọng cho chỉ số sẽ là ngưỡng tâm lý 1.040 điểm. Kết thúc phiên, Vnindex giảm 8,19 điểm, đóng cửa tại 1.064,03 điểm, giá trị giao dịch giảm so với phiên trước đó.
- Hầu hết các nhóm ngành đều biến động so với phiên trước đó, cổ phiếu một số nhóm ngành giảm điểm gây chú ý trong phiên giao dịch như tài chính, dịch vụ tiêu dùng. Trong đó, nhiều mã ghi nhận sự chú ý của nhà đầu tư như STB, VPB, MWG.
- Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng với giá trị hơn 11,09 tỷ, tập trung mua các cổ phiếu như STB, HPG, HCM. Bên cạnh đó, tự doanh tham gia mua ròng với 95,4 tỷ đồng.
- Ngày 9/2, giá vàng thế giới vẫn trong đà tăng nhẹ, giá vàng SJC tiếp tục tăng 300.000 đồng/lượng.
- Việt Nam xuất siêu hơn 6,5 tỷ USD sang Châu Mỹ trong tháng 01/2023.

Doanh nghiệp

-  BCC: CTCP Xi măng Bỉm Sơn công bố BCTC với lãi sau thuế hơn 62,9 tỷ đồng, hoàn thành 39% kế hoạch lợi nhuận năm 2022.
-  OGC: CTCP Tập đoàn Đại Dương công bố báo cáo tài chính với lợi nhuận trước thuế đạt 115 tỷ đồng, tăng 212% kế hoạch.
-  MWG: CTCP Đầu tư Thế giới Di Động dự kiến phát hành thêm cổ phiếu ESOP trong năm 2023.
-  TCM: CTCP Dệt May – Đầu tư- Thương mại Thành Công bị phạt hành chính 22,6 triệu đồng.
-  C69: Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt 28,5 tỷ đồng, tăng gần 72% so với năm 2021.
-  VCP: CTCP Xây dựng và Năng lượng báo lãi sau thuế đạt 448 tỷ đồng, tăng gấp 6,5 lần so với năm 2021.
-  VCG: Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam báo cáo lãi ròng năm 2022 đạt hơn 1.000 tỷ đồng.
-  BMP: Quỹ ngoại Kwe Beteiligungen AG nâng tỷ lệ sở hữu tại Nhựa Bình Minh lên 11,02% vốn điều lệ.
-  NAB: Ngân hàng TMCP Nam Á chốt ngày tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2023 vào ngày 17/03.
-  POW: Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 phấn đấu sản xuất 6,4 tỷ kWh trong năm 2023.

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

CHỈ SỐ	10/02/2023	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% YTD
VN INDEX	1.064,03	-0,76%	-1,26%	1,01%	5,65%
HNX30 INDEX	357,65	0,29%	-2,24%	2,31%	8,02%
VN30 INDEX	1.059,91	-1,25%	-3,07%	-0,06%	5,44%
S&P 500	4.081,50	-0,88%	-2,35%	4,87%	6,30%
Dow Jones	33.699,88	-0,73%	-1,04%	0,54%	1,67%
Nasdaq	11.789,58	-1,02%	-3,37%	10,85%	12,64%
Shanghai Composite	3.270,38	1,18%	-0,47%	3,18%	5,86%
Nikkei 225	27.740,91	0,57%	0,84%	5,98%	6,31%
Thailand SET	1.669,17	-0,07%	-0,80%	-1,31%	0,03%
Malaysia	1.464,64	-0,42%	-1,69%	-1,38%	-2,06%
Philippine	6.842,79	-1,16%	-2,05%	1,27%	4,21%
Indonesia JCI	6.897,37	-0,62%	0,10%	4,15%	0,68%
FTSE 100	7.911,15	0,33%	1,16%	2,82%	6,17%
DAX	15.523,42	0,72%	0,09%	5,07%	11,49%
CAC 40	7.188,36	0,96%	0,31%	4,65%	11,04%

Nguồn: Bloomberg, VietinBank Securities

TOP CỔ PHIẾU TĂNG – GIẢM GIÁ

Top 10 CP tăng nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
CMX	9.520	4.789.000	6,97%
DAT	9.990	5.400	6,96%
ANV	33.050	2.507.100	6,96%
TSC	4.000	3.934.000	6,95%
BBC	61.700	1.400	6,93%
MCG	2.470	863.300	6,93%
PVD	20.850	6.237.800	6,92%
SCD	15.450	700	6,92%
TTF	4.800	4.577.300	6,90%
FIT	4.650	6.006.600	6,90%

HNX: Top 10 CP tăng nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
BPC	11.000	100	10,00%
CTB	20.900	1.200	10,00%
VSA	24.200	1.910	10,00%
SDN	48.500	3.800	9,98%
CAN	43.100	1.000	9,95%
KTS	17.700	100	9,94%
TC6	8.900	1.005.830	9,88%
TTC	14.500	1.700	9,85%
VHL	24.700	115	9,78%
TFC	7.100	400	9,23%

HSX: Top 10 CP giảm nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
FUCVREIT	6.970	100	-6,82%
PMG	9.850	500	-6,19%
VJC	101.900	217.800	-5,65%
AMD	1.280	788.600	-4,48%
HAS	6.510	100	-4,41%
ADG	26.600	200	-4,32%
DCL	27.000	230.900	-3,91%
VSC	29.000	526.500	-3,65%
HOT	17.400	200	-3,60%
SGT	12.300	1.800	-3,53%

HNX: Top 10 CP giảm nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
SGH	57.600	100	-9,86%
BTS	6.500	156.334	-9,72%
GDW	25.100	500	-9,71%
SJ1	13.200	2.200	-9,59%
QST	10.000	100	-9,09%
EBS	9.600	200	-8,57%
VTJ	3.300	100	-8,33%
SFN	21.600	11.200	-8,09%
MHL	5.000	900	-7,41%
GIC	12.600	400	-6,67%

GIAO DỊCH CỦA KHỐI NGOẠI

HSX: TOP 10 CP NĐTNN mua và bán ròng nhiều nhất trong ngày (Tr.VND)

TT	Mã CK	GT Mua ròng	Mã CK2	GT Bán ròng
1	STB	289.406	BCM	86.594
2	HPG	32.106	VHM	60.743
3	HCM	26.049	VNM	55.667
4	SSI	17.912	VIC	37.979
5	HSG	8.215	MSN	24.346
6	MSB	5.786	DGC	20.009
7	BMI	5.149	KDH	14.160
8	PVD	5.085	VCB	13.098
9	NVL	4.600	KBC	12.982
10	PLX	4.104	KDC	12.811

HNX: TOP 10 CP NĐTNN mua và bán ròng nhiều nhất trong ngày (Tr.VND)

TT	Mã CK	GT Mua ròng	Mã CK2	GT Bán ròng
1	PVS	2.498	SFN	234
2	IDC	2.463	TDN	210
3	CEO	1.247	HUT	162
4	DL1	420	LHC	147
5	DHT	39	TNG	145
6	CAN	25	THD	144
7	VNF	23	PVI	138
8	BVS	20	GMX	121
9	SDG	19	VNR	95
10	PPP	19	BTS	93

Nguồn: Fiinpro, VietinBank Securities

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Mặt hàng	Đơn vị	10/02/2023	%Ngày	% 5 ngày	%Tháng	%YTD
Oil WTI	USD/bbl.	78,06	-0,52%	5,85%	4,97%	-3,21%
Oil Brent	USD/bbl.	84,50	-0,69%	2,84%	6,75%	-1,64%
Thép thanh	CNY/MT	4.076,00	1,34%	1,14%	-1,18%	-0,24%
Nhôm	USD/MT	2.463,60	0,75%	-4,77%	2,36%	4,86%
Đồng	USd/lb.	409,70	1,52%	0,21%	4,68%	6,68%
Than	USD/MT	225,50	-5,79%	-7,83%	-35,47%	-44,20%
Đường	USd/lb.	20,01	0,70%	-1,86%	9,88%	6,89%
Ngô	USd/bu.	670,75	-1,14%	-0,67%	3,29%	-1,14%
Gas	USD/MMBtu	2,43	1,42%	2,12%	-28,76%	-45,01%
Sữa	USD/cwt	17,96	0,84%	0,17%	-8,83%	-12,26%
Vàng	USD/t oz.	1.878,50	-0,65%	-0,17%	0,29%	1,69%
Bạc	USD/t oz.	22,14	-1,24%	-1,99%	-6,47%	-8,65%
Lúa Mỳ	USd/bu.	757,25	-0,98%	-0,49%	2,12%	-4,39%
Thịt lợn	USd/lb.	75,83	-0,13%	0,63%	-6,16%	-13,54%
Thép cuộn TQ	CNY/MT	4.201,00	0,94%	0,65%	0,26%	1,30%

THÔNG BÁO MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Nội dung bản tin này do Công ty cổ phần chứng khoán Công thương (VietinBank Securities) cung cấp, chỉ mang tính chất tham khảo. Mặc dù mọi thông tin đều được thu thập từ những nguồn, tờ báo đáng tin cậy, nhưng VietinBank Securities không đảm bảo được tuyệt đối được độ chính xác của thông tin hay bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc sử dụng bản tin này.

Các ý kiến tổng hợp, dự báo chỉ thể hiện quan điểm của tác giả tại thời điểm phát hành, báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo chứ không mang tính chất mời chào, mua bán, nắm giữ bất cứ cổ phiếu nào. Báo cáo này là tài sản của Công ty cổ phần chứng khoán Công thương (VietinBank Securities).

Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như phân phối báo cáo này vì bất cứ mục đích cá nhân hay thương mại nào nếu không có sự đồng ý của VietinBank Securities.

Xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn các thông tin trong báo cáo này!